

Số: 998/BVĐKĐG-VTTB
V/v: Mời chào giá vật tư y tế

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp vật tư y tế tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Đức Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu mua sắm vật tư tiêu hao, hóa chất năm 2024;

Bệnh viện kính mời các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh có khả năng cung cấp, quan tâm chào giá, với nội dung cụ thể như sau :

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Đức Giang số 54 phố Trường Lâm, phường Đức Giang, quận Long Biên, TP Hà Nội.
- Mọi thông tin cần liên hệ về báo giá: Đ/c Nguyễn Thị Phương Nhung – Phòng Vật tư thiết bị - ĐT : 038.692.2866 hoặc số 024 38711751 để được hỗ trợ
- Báo giá (Theo mẫu phụ lục II đính kèm)

Được tiếp nhận theo các hình thức sau :

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Văn thư, Bệnh viện Đa khoa Đức Giang số 54 phố Trường Lâm, phường Đức Giang, quận Long Biên, TP Hà Nội. (ĐT : 0936.890.489)
- Nhận qua Email : bvdkdg@hanoi.gov.vn, vttbytducgiang@gmail.com.

(Lưu ý : các đơn vị gửi cùng vào 2 mail trên cho Bệnh viện)

- Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 17 tháng 6 năm 2024 đến trước 17h ngày 28 tháng 6 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày (Ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày kể từ ngày 28 tháng 6 năm 2024).

II. Nội dung yêu cầu báo giá :

- Danh mục vật tư y tế (Kèm theo phụ lục I).
- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư y tế, Bệnh viện đa khoa Đức Giang, số 54 phố Trường Lâm, phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Năm 2024.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không tạm ứng, thanh toán theo từng đợt, sau khi thực hiện hợp đồng và đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

Rất mong nhận được sự quan tâm của Quý đơn vị.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- Lưu VTTB.



GIÁM ĐỐC 

Nguyễn Văn Thường

DANH MỤC CHI TIẾT KÈM THEO

TT	Danh mục hàng hóa	Thông số, quy cách	ĐVT	Số lượng
I	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch dùng cho máy Dx1600			-
1	Hóa chất định lượng 25(OH) Vitamin D (toàn phần)	Phương pháp: miễn dịch enzym liên kết cạnh tranh hai bước. Dải đo: 2-210 ng/mL. Thành phần chính: kháng thể cừu đơn dòng kháng vitamin D 25(OH) được tạo huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, IgG dê, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit và Proclin. Quy cách: Hộp ≥ 100 test	Hộp	24
2	Chất chuẩn 25(OH) Vitamin D (toàn phần)	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng 25(OH) vitamin D. Thành phần chính: Huyết thanh người, natri azit và ProClin. Quy cách: ≥ (6x1.4)ml	Hộp	4
3	Hóa chất định lượng AFP	Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich"). Dải đo: 0,5-3.000 ng/mL [0,41-2.478 IU/mL]. Thành phần chính: albumin huyết thanh bò, natri azit, ProClin, kháng thể kháng AFP đơn dòng ở chuột Quy cách: Hộp ≥ 100 test	Hộp	44
4	Chất chuẩn AFP	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng AFP. Thành phần chính: albumin huyết thanh bò, natri azit, ProClin, AFP ở các mức nồng độ khác nhau Quy cách: ≥ (7x2.5) ml	Hộp	4
5	Hóa chất định lượng BNP	Dải đo: 1 - 5000 pg/mL. Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich"). Thành phần: Albumin huyết thanh bò, ProClin, natri azit. Các hạt thuận từ phủ kháng thể BNP kháng người tất cả các dòng ở chuột, Cộng hợp bò photphataza kiểm chưa kháng thể BNP kháng người đơn dòng ở chuột Quy cách: Hộp ≥ 100 test	Hộp	48
6	Chất chuẩn BNP	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng BNP. Thành phần: Phức hợp BNP người tái tổ hợp ở các mức nồng độ khác nhau, BSA, natri azit, ProClin Quy cách: ≥ (6x1.5) ml	Hộp	5
7	Hóa chất định lượng CA 125	Dải đo: 0,5 U/mL - 5.000 U/mL. Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich"). Thành phần: Biotin kháng nguyên kháng CA125, Albumin huyết thanh bò, ProClin, Natri azit Quy cách: Hộp ≥ 100 test	Hộp	15
8	Chất chuẩn CA 125	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng CA 125. Thành phần: Albumin huyết thanh bò, ProClin, Natri azit, Kháng nguyên CA 125 ở các nồng độ khác nhau Quy cách: ≥ (6x2.5) ml	Hộp	3
9	Hóa chất định lượng CA 15-3	Dải đo: 0,5-1.000 U/mL. Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich"). Thành phần: kháng nguyên kháng CA 15-3, Albumin huyết thanh bò, Natri azit, ProClin Quy cách: Hộp ≥ 100 test	Hộp	20

10	Chất chuẩn CA 15-3	<p>Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng CA 15-3. Thành phần: Natri Azit, ProClin, Albumin huyết thanh bò, Kháng nguyên CA 15-3 ở các nồng độ khác nhau Quy cách: $\geq (6 \times 1.5)$ ml</p>	Hộp	3
11	Hóa chất định lượng CA 19-9	<p>Dãi đo: 0,8–2.000 U/mL. Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich"). Thành phần: Natri Azit, ProClin, Albumin huyết thanh bò, kháng nguyên kháng CA 19-9, Protein bò, protein dê, Protein chuột Quy cách: Hộp ≥ 100 test</p>	Hộp	36
12	Chất chuẩn CA 19-9	<p>Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng CA 19-9. Thành phần: Natri Azit, ProClin, Albumin huyết thanh bò, kháng nguyên CA 19-9 ở các nồng độ khác nhau Quy cách: $\geq (6 \times 2.5)$ ml</p>	Hộp	4
13	Hóa chất định lượng CEA	<p>Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich"). Dãi đo: 0,1–1.000 ng/mL. Thành phần chính: albumin huyết thanh bò, natri azit, ProClin, kháng thể kháng CEA MAb ở chuột Quy cách: Hộp ≥ 100 test</p>	Hộp	60
14	Chất chuẩn CEA	<p>Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng CEA. Thành phần chính: Protein (bò), natri azit, ProClin, CEA ở các mức nồng độ khác nhau Quy cách: $\geq (6 \times 2.5)$ ml</p>	Hộp	4
15	Hóa chất định lượng Cortisol	<p>Phương pháp: miễn dịch enzym liên kết cạnh tranh. Dãi đo: 0,4–60 $\mu\text{g/dL}$ [11–1.655 nmol/L]. Thành phần chính: chất nền BSA, natri azit, Huyết thanh miễn dịch của thỏ kháng cortisol Quy cách: Hộp ≥ 100 test</p>	Hộp	36
16	Chất chuẩn Cortisol	<p>Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng cortisol. Thành phần chính: huyết thanh người, natri azit, ProClin, cortisol ở các mức nồng độ khác nhau Quy cách: $\geq (6 \times 4)$ ml</p>	Hộp	4
17	Hóa chất định lượng Sensitive Estradiol	<p>Phương pháp: miễn dịch enzym liên kết cạnh tranh. Dãi đo: 15–5.200 pg/mL [55,1–19.089 pmol/L]. Thành phần chính: Các hạt thuần từ được phủ streptavidin, biotin và chất tương tự estradiol kết hợp với biotin trong dung dịch đệm Tris có các protein (cá), chất hoạt tính bề mặt và Cosmocil CQ. Quy cách: Hộp ≥ 100 test</p>	Hộp	3
18	Chất chuẩn Estradiol	<p>Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng estradiol. Thành phần chính: Huyết thanh người, ProClin. Quy cách: $\geq (4+5 \times 2)$ ml</p>	Hộp	2
19	Hóa chất định lượng ferritin	<p>Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich"). Dãi đo: 0,2–1.500 ng/mL ($\mu\text{g/L}$). Thành phần chính: albumin huyết thanh bò, natri azit, ProClin, các phức hợp kháng thể đơn dòng của chuột kháng ferritin Quy cách: Hộp ≥ 100 test</p>	Hộp	12
20	Chất chuẩn Ferritin	<p>Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng Ferritin. Thành phần chính: Albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit, ProClin, Ferritin ở các mức nồng độ khác nhau Quy cách: $\geq (6 \times 4)$ ml</p>	Hộp	3

21	Hóa chất định lượng Folate	<p>Phương pháp: Thụ thể liên kết cạnh tranh. Dải đo: 1-24,8 ng/mL (2,27-56,2 nmo/L). Thành phần chính: Kháng thể đơn dòng kháng folate, các hạt thuận từ phủ kháng thể của dê kháng IgG của chuột, dung dịch đệm, albumin huyết thanh người (HSA) và ProClin. Quy cách: Hộp ≥ 100 test</p>	Hộp	20
22	Chất chuẩn Folate	<p>Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng acid folic. Thành phần chính: Chất nền có đệm chứa albumin huyết thanh người (HSA), chất hoạt động bề mặt, natri azit và ProClin. Quy cách: ≥ (6x4) ml</p>	Hộp	4
23	Hóa chất định lượng Free T3	<p>Hóa chất định lượng T3 tự do. Phương pháp: miễn dịch enzym. Dải đo: 0,88-30 pg/mL [1,4-46 pmol/L]. Thành phần chính: Analog T3, dung dịch đệm TRIS, NaN₃, ProClin Quy cách: Hộp ≥ 100 test</p>	Hộp	40
24	Chất chuẩn Free T3	<p>Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng T3 tự do. Thành phần chính: NaN₃, ProClin, T3 ở các mức nồng độ khác nhau Quy cách: ≥ (6x2.5) ml</p>	Hộp	3
25	Hóa chất định lượng Free T4	<p>Hóa chất định lượng T4 tự do. Phương pháp: miễn dịch enzym hai bước. Dải đo: 0,25-6 ng/dL [3,2-77,2 pmol/L]. Thành phần chính: dung dịch đệm TRIS, NaN₃, ProClin, Kháng thể kháng Thyroxine (T4) đơn dòng ở chuột Quy cách: Hộp ≥ 100 test</p>	Hộp	110
26	Chất chuẩn Free T4	<p>Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng T4 tự do. Thành phần chính: Huyết thanh người, natri azit, ProClin, Thyroxine ở các mức nồng độ khác nhau Quy cách: ≥ (6x2.5) ml</p>	Hộp	6
27	Hóa chất định lượng hFSH	<p>Phương pháp: miễn dịch enzym hai bước sandwich. Dải đo: 0,2-200 mIU/mL (IU/L). Thành phần chính: albumin huyết thanh bò, natri azit, ProClin, các phức hợp kháng thể đơn dòng của chuột kháng hFSH; Quy cách: Hộp ≥ 100 test</p>	Hộp	4
28	Chất chuẩn hFSH	<p>Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng hFSH. Thành phần chính: Albumin huyết thanh bò, natri azit, ProClin, hFSH ở các mức nồng độ khác nhau Quy cách: ≥ (6x4) ml</p>	Hộp	2
29	Hóa chất định lượng hLH	<p>Xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước ("sandwich"). Dải đo: 0,2-250 mIU/mL [IU/L], các phức hợp kháng hLH đơn dòng ở chuột. Thành phần chính: albumin huyết thanh bò, natri azit, ProClin Quy cách: Hộp ≥ 100 test</p>	Hộp	4
30	Chất chuẩn hLH	<p>Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng hLH. Thành phần chính: albumin huyết thanh bò, natri azit, ProClin, hLH ở các mức nồng độ khác nhau Quy cách: ≥ (6x4) ml</p>	Hộp	2

31	Hóa chất định lượng hsTnI	Hóa chất định lượng cTnI. Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich"). Dải đo: 2,3 - 27.027pg/mL. Thành phần chính: kháng thể đơn dòng ở chuột kháng cTnI của người được tạo huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit và ProClin 300. Quy cách: Hộp ≥ 100 test	Hộp	210
32	Chất chuẩn hsTnI	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng cTnI. Thành phần chính: Chất nền đệm albumin huyết thanh bò (BSA) với chất hoạt động bề mặt Natri azua, và ProClin Quy cách: ≥ (3x1.5+4x1) ml	Hộp	9
33	Hóa chất định lượng iPTH	Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich"). Dải đo: 1-3500 pg/mL (0,1-371 pmol/L). Thành phần chính: Kháng thể của dê kháng PTH, BSA, natri azit, ProClin Quy cách: Hộp ≥ 100 test	Hộp	4
34	Chất chuẩn iPTH	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng iPTH. Thành phần chính: đệm PBS, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit, PTH (kháng nguyên tổng hợp) ở các mức nồng độ khác nhau Quy cách: ≥ (2x4+6x1) ml	Hộp	2
35	Hóa chất định lượng PAPP-A	Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich"). Dải đo: 1-5.000 ng/mL. Thành phần chính: kháng thể kháng PAPP-A đơn dòng, BSA, natri azit, ProClin Quy cách: Hộp ≥ 100 test	Hộp	2
36	Chất chuẩn PAPP-A	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng PAPP-A. Thành phần chính: đệm BSA, natri azit, ProClin, PAPP-A gốc ở các mức nồng độ khác nhau Quy cách: ≥ (6x1) ml	Hộp	1
37	Hóa chất định lượng Prolactin	Phương pháp: miễn dịch enzym một bước sandwich. Thành phần chính: albumin huyết thanh bò, natri azit, ProClin, các phức hợp kháng Prolactin đơn dòng ở chuột Quy cách: Hộp ≥ 100 test	Hộp	3
38	Chất chuẩn Prolactin	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng prolactin. Thành phần chính: albumin huyết thanh bò, natri azit, ProClin, Prolactin ở các mức nồng độ khác nhau Quy cách: ≥ (1x4+5x2.5) ml	Hộp	2
39	Hóa chất định lượng Testosterone	Phương pháp: miễn dịch enzym liên kết cạnh tranh. Dải đo: 0,1-16 ng/mL [0,35-55,5 nmol/L]. Thành phần chính: albumin huyết thanh bò, natri azit, ProClin, Kháng thể đơn dòng kháng testosterone Quy cách: Hộp ≥ 100 test	Hộp	3
40	Chất chuẩn Testosterone	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng testosterone. Thành phần chính: albumin huyết thanh bò, natri azit, ProClin, testosterone ở các mức nồng độ khác nhau Quy cách: ≥ (6x2.5) ml	Hộp	2
41	Hóa chất định lượng TSH (3rd IS)	Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich"). Dải đo: 0,005-50 µIU/mL. Thành phần chính: kháng thể kháng TSH ở người đơn dòng ở chuột được huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit và ProClin. Quy cách: Hộp ≥ 200 test	Hộp	60

42	Chất chuẩn TSH (3rd IS)	<p>Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng TSH. Thành phần chính: Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt động bề mặt, natri azit, ProClin Quy cách: $\geq (6 \times 2.5)$ ml</p>	Hộp	6
43	Hóa chất định lượng Ultrasensitive Insulin	<p>Hóa chất định lượng insulin. Phương pháp: miễn dịch enzym một bước ("sandwich"). Đãi đo: 0,03-300 $\mu\text{IU}/\text{mL}$ [0,21-2.100 pmol/L]. Thành phần chính: albumin huyết thanh bò, natri azit, ProClin, Kháng thể đơn dòng của chuột kháng insulin Quy cách: Hộp ≥ 100 test</p>	Hộp	3
44	Chất chuẩn Ultrasensitive Insulin	<p>Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng insulin. Thành phần chính: albumin huyết thanh bò, natri azit, ProClin, insulin ở các mức nồng độ khác nhau Quy cách: $\geq (6 \times 2)$ ml</p>	Hộp	2
45	Hóa chất định lượng Unconjugated Estriol	<p>Hóa chất định lượng estriol tự do. Phương pháp: miễn dịch enzym liên kết cạnh tranh. Đãi đo: 0,017-6,9 ng/mL [0,059-24 nmol/L]. Thành phần chính: albumin huyết thanh bò, natri azit, Cosmocil CQ, Kháng thể kháng estriol ở thỏ Quy cách: Hộp ≥ 100 test</p>	Hộp	3
46	Chất chuẩn Unconjugated Estriol	<p>Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng estriol tự do. Thành phần chính: huyết thanh người, NaN3, Cosmocil CQ, estriol không cộng hợp ở các mức nồng độ khác nhau Quy cách: $\geq (1 \times 4 + 6 \times 2.5)$ ml</p>	Hộp	2
47	Hóa chất định lượng vitamin B12	<p>Phương pháp: miễn dịch enzym liên kết cạnh tranh. Đãi đo: 50-1.500 pg/mL [37-1.107 pmol/L]. Thành phần chính: Albumin huyết thanh bò, natri azit, ProClin, các phức hợp đơn dòng kháng yếu tố nội tại ở chuột Quy cách: Hộp ≥ 100 test</p>	Hộp	20
48	Chất chuẩn Vitamin B12	<p>Chất chuẩn của xét nghiệm Vitamin B12. Thành phần chính: Albumin huyết thanh người, natri azit, ProClin, Vitamin B12 ở các mức nồng độ khác nhau Quy cách: $\geq (6 \times 4)$ ml</p>	Hộp	4
49	Hóa chất định lượng Interleukin 6 (IL-6)	<p>Phương pháp: miễn dịch enzym một bước ("sandwich"); Đãi đo: 0,5-1.500 pg/mL; Thành phần chính: kháng thể đơn dòng kháng IL-6 ở người, BSA, natri azit, ProClin Quy cách: Hộp ≥ 100 test</p>	Hộp	10
50	Chất chuẩn Interleukin 6 (IL-6)	<p>Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng Interleukin 6. Thành phần chính: BSA đệm, NaN3, ProClin, IL-6 tái tổ hợp ở các mức nồng độ khác nhau Quy cách: $\geq (1 \times 4 + 5 \times 2.5)$ ml</p>	Hộp	2
51	Chất kiểm tra xét nghiệm Interleukin 6 (IL-6)	<p>Chất kiểm tra của xét nghiệm định lượng Interleukin 6. Thành phần chính: IL-6 tái tổ hợp ở người ở các mức nồng độ khác nhau, PBS đệm, NaN3</p>	Hộp	2
52	Hóa chất định lượng C-Peptide	<p>Phạm vi phân tích: 0,01-30 ng/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym một bước ("sandwich") - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads được phủ kháng thể đơn dòng ở chuột kháng Peptit C của người được tạo huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), $< 0,1\%$ natri azit và $0,1\%$ ProClin 300. R1b: Protein (chuột) trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), $< 0,1\%$ natri azit và $0,1\%$ ProClin 300 R1c: Liên hợp photphataza kiểm tra kháng Peptit C trên người đơn dòng ở chuột trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), protein (chuột), $\leq 0,1\%$ natri azit và $0,1\%$ ProClin 300. Hộp ≥ 100 test</p>	Hộp	18

53	Chất chuẩn C-Peptide	Thành phần: S0 Đệm nền albumin huyết thanh bò (BSA) có đệm với chất hoạt động bề mặt, <0,1% natri azua và 0,5% ProClin 300. Chứa 0 ng/mL C-peptit. S1,S2,S3,S4,S5 Xấp xỉ 0,05, 0,24, 1,2, 6 và 30 ng/mL (lần lượt tương ứng với 0,02, 0,08, 0,4, 2 và 10 mmol/L) C-peptit trong đệm nền albumin huyết thanh bò (BSA) có đệm với chất hoạt động bề mặt, <0,1% natri azua và 0,5% ProClin 300. Hộp ≥ 6x2mL	Hộp	3
54	Hóa chất định lượng Free PSA	Phạm vi phân tích: 0,005–20 ng/mL (hiệu chuẩn Hybritech) hoặc 0,005–16 ng/mL (hiệu chuẩn WHO) - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí ("sandwich") - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng để ở lura, kháng thể kháng biotin ở đê và kháng thể kháng PSA đơn dòng ở chuỗi được gắn biotin trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphataza kiềm kháng PSA tự do đơn dòng ở chuỗi (bò) được pha loãng trong dung dịch muối đệm photphat, có chất hoạt động bề mặt, BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300. Hộp ≥ 100 test	Hộp	30
55	Chất chuẩn Hybritech Free PSA	Thành phần: S0: BSA đệm, < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300. S1,S2,S3,S4,S5: PSA tự do ở người ở nồng độ xấp xỉ 0,5, 2, 5, 10 và 20 ng/mL đối với hiệu chuẩn của Hybritech (hoặc 0,4, 1,6, 4, 1, 8 và 16 ng/mL đối với hiệu chuẩn của WHO) trong BSA đệm, < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300. Hộp ≥ (1x5+5x2.5) mL	Hộp	4
56	Hóa chất định lượng total PSA	Phạm vi phân tích: 0,008–150 ng/mL (hiệu chuẩn Hybritech) hoặc 0,008–121 ng/mL (hiệu chuẩn WHO) - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí ("sandwich") - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng PSA đơn dòng ở chuỗi được huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphataza kiềm kháng PSA đơn dòng ở chuỗi (bò) được pha loãng trong dung dịch muối đệm photphat, có chất hoạt tính bề mặt, BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300. Hộp ≥ 100 test	Hộp	30
57	Chất chuẩn Hybritech PSA	Thành phần: S0: Albumin huyết thanh bò (BSA) đệm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. S1,S2,S3,S4,S5: PSA trong huyết thanh ở mức xấp xỉ 0,5, 2, 10, 75 và 150 ng/mL đối với hiệu chuẩn của Hybritech (hoặc 0,4, 1,7, 8, 58 và 121 ng/mL đối với hiệu chuẩn của WHO) trong BSA đệm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. Hộp ≥ 6x2.5mL	Hộp	4
58	Hóa chất định lượng PCT	Phạm vi phân tích: 0,01–100 ng/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp ("sandwich") - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads phủ kháng thể đơn dòng ở chuỗi kháng procalcitonin người trong dung dịch đệm TRIS có chất hoạt tính bề mặt, protein (bò), ≤ 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: 0,1 N Natri Hydroxit. R1c: Dung dịch đệm MOPS có chất hoạt tính bề mặt và protein (bò, chuột), ≤ 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1d: Liên hợp photphataza kiềm tái tổ hợp kháng procalcitonin ở chuỗi trong dung dịch đệm MOPS có chất hoạt tính bề mặt và protein (bò, chuột, tái tổ hợp), ≤ 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. Hộp ≥ 100 test	Hộp	100
59	Chất chuẩn PCT	Thành phần: S0 Dung dịch đệm HEPES đồng khô có protein (bò), ≤ 0,1 % natri azit và 0,1% ProClin 300. S1,S2,S3,S4,S5, S6: Procalcitonin tái tổ hợp ở người với các mức xấp xỉ lần lượt là 0,8, 5, 10, 25, 50 và 100 ng/mL (µg/L) trong dung dịch đệm HEPES đồng khô có protein (bò), ≤ 0,1 % natri azit và 0,1% ProClin 300. Hộp ≥ 7x2 mL	Hộp	4
60	Hóa chất định lượng total βhCG	Hóa chất định lượng βhCG toàn phần. Phương pháp: miễn dịch enzym hai bước ("sandwich"). Đãi đo: 0,6–1350 mIU/mL. Thành phần chính: phức hợp kháng βhCG đơn dòng, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit, ProClin Quy cách: Hộp ≥ 100 test	Hộp	52
61	Chất chuẩn Total βhCG (5th IS)	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng βhCG toàn phần. Thành phần chính: Chất nền đệm albumin huyết thanh bò (BSA) có chất hoạt tính bề mặt, natri azit, ProClin Quy cách: ≥ (6x4) ml	Hộp	6

62	Hóa chất định lượng TPO Ab	Phạm vi phân tích: 0,25-1.000 IU/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước liên tục ("sandwich") - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads phủ streptavidin và được liên kết với TPO tái tổ hợp có gắn biotin ở người, được huyền phù trong dung dịch đệm ACES có protein (bò), <0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 R1b: Liên hiệp photphataza kiềm-Protein A tái tổ hợp (bò) trong dung dịch đệm protein (bò) R1c: Dung dịch đệm protein (bò), <0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. Hộp ≥ 100 test	Hộp	18
63	Chất chuẩn TPO Antibody	Thành phần: S0: Dung dịch đệm protein (bò) có <0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 S1,S2,S3,S4,S5: Huyết thanh miễn dịch TPO ở thỏ trong dung dịch đệm protein (bò) ở các nồng độ xấp xỉ 5, 20, 75, 300 và 1.000 IU/mL có <0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. Hộp ≥ 6x2mL	Hộp	4
64	Hóa chất định lượng Thyroglobulin	Phạm vi phân tích: 0,1-500 ng/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym một bước đồng thời ("sandwich") - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads phủ streptavidin, được huyền phù trong dung dịch đệm TRIS có protein (bò), <0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphataza kiềm-kháng thể kháng thyroglobulin đơn dòng ở chuột (bò) trong dung dịch đệm TRIS có protein (bò, chuột), <0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1c: Các kháng thể kháng thyroglobulin đơn dòng ở chuột được liên kết với biotin trong dung dịch đệm HEPES có protein (bò và chuột), <0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. Hộp ≥ 100 test	Hộp	30
65	Chất chuẩn Thyroglobulin	Thành phần: S0: Dung dịch đệm HEPES có albumin huyết thanh bò (BSA), <0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. Chứa 0 ng/mL thyroglobulin. S1, S2, S3, S4, S5: Thyroglobulin người ở các nồng độ xấp xỉ 1, 10, 100, 250 và 500 ng/mL, trong dung dịch đệm HEPES có BSA, <0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. Hộp ≥ 6x2mL	Hộp	4
66	Hóa chất định lượng Thyroglobulin Ab	Phạm vi phân tích: 0,9-2.500 IU/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp ("sandwich") - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads phủ streptavidin và được liên kết với thyroglobulin có gắn biotin ở người, được huyền phù trong dung dịch đệm TRIS có protein (bò), <0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 R1b: Liên hợp photphataza kiềm - thyroglobulin ở người (bò) trong dung dịch đệm TRIS có protein (bò), <0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 R1c: Dung dịch đệm TRIS có <0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 R1d: Dung dịch đệm TRIS có chứa "blocking polymer", <0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. Hộp ≥ 100 test	Hộp	30
67	Chất chuẩn Thyroglobulin Antibody II	Thành phần: S0: Huyết thanh người với <0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. Chứa 0 IU/mL kháng thể thyroglobulin S1,S2,S3,S4,S5: Kháng thể thyroglobulin người trong huyết thanh người ở nồng độ xấp xỉ 50, 250, 500, 1.000 và 2.500 IU/mL có <0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. Hộp ≥ (1x4+5x2.5) mL	Hộp	4
68	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ số khối u)	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người. Quy cách: ≥ (1x5) ml	Lọ	30
69	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ số khối u)	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người. Quy cách: ≥ (1x5) ml	Lọ	30
70	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ số khối u)	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người. Quy cách: ≥ (1x5) ml	Lọ	30
71	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ số khối u và TgAb, TPO Ab)	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người. Lọ ≥ 5mL	Lọ	6

72	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u và TgAb, TPO Ab)	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người. Lọ ≥ 5ml	Lọ	6
73	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u và TgAb, TPO Ab)	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người. Lọ ≥ 5ml	Lọ	6
74	Chất kiểm chứng hằng thứ 3 cho các xét nghiệm miễn dịch sáng lọc trước sinh mức 1	Kiểm chứng cho các xét nghiệm AFP, Free Beta hCG, Free Estriol, hCG, Inhibin A và PAPP-A Quy cách: ≥ (3x1) ml	Hộp	6
75	Chất kiểm chứng hằng thứ 3 cho các xét nghiệm miễn dịch sáng lọc trước sinh mức 2	Kiểm chứng cho các xét nghiệm AFP, Free Beta hCG, Free Estriol, hCG, Inhibin A và PAPP-A Quy cách: ≥ (3x1) ml	Hộp	6
76	Chất kiểm chứng hằng thứ 3 cho các xét nghiệm miễn dịch sáng lọc trước sinh mức 3	Kiểm chứng cho các xét nghiệm AFP, Free Beta hCG, Free Estriol, hCG, Inhibin A và PAPP-A Quy cách: ≥ (3x1) ml	Hộp	6
77	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm tìm mạch mức 1,2,3	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh với các hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ protein tái tổ hợp, mô hoặc dịch cơ thể người Quy cách: ≥ (6x3) ml	Hộp	6
78	Giếng phản ứng	Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 mL Quy cách: Túi ≥ 1,000 cái	Túi	200
79	Cơ chất phát quang	Thành phần: diacetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang, chất hoạt tính bề mặt Quy cách: ≥ (4x130) ml	Hộp	60
80	Dung dịch acid rửa máy	Thành phần: anionic và nonionic. Bình ≥ 1 gallon	Bình	2
81	Dung dịch kiềm rửa máy	Thành phần: anionic và nonionic. Bình ≥ 1 lít	Bình	2
82	Dung dịch muối đệm rửa máy	Thành phần: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, < natri azit 0,1% và < 0,05% khối lượng phân tử của: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one và 2-methyl-4-isothiazolin-3-one (3:1). Hộp ≥ 10 lít	Hộp	290
83	Dung dịch kiểm tra máy	Thành phần: Phosphatase kiểm, albumin huyết thanh bò, ProClin, natri azit. Quy cách: ≥ (6x4) ml	Hộp	5

II	Hóa chất xét nghiệm huyết học dùng cho máy XN1000			
84	Dung dịch đo nồng độ Hemoglobin	Thành phần: Sodium Lauryl Sulfate 1.7 g/l tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động qua đầu đọc barcode. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: Hộp ≥ 5L	Hộp	40
85	Dung dịch kiểm mạnh rửa hệ thống bán tự động	Thành phần: Sodium Hypochlorite (có chứa clo tỷ lệ 5,0%). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: Hộp ≥ 50ml	Hộp	16
86	Dung dịch kiểm mạnh rửa hệ thống tự động	Thành phần: Sodium Hypochlorite (có chứa Clo tỷ lệ 5,0%). tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động qua đầu đọc barcode. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: Hộp ≥ 20x4ml	Hộp	12
87	Dung dịch ly giải đếm số lượng bạch cầu kênh WDF	Thành phần: Nonionic surfactant 0.17%; Organic quaternary ammonium salts 0.07%. tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động qua đầu đọc barcode. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: Thùng ≥ 5L	Thùng	68
88	Dung dịch ly giải đếm số lượng bạch cầu kênh WNR	Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0.20%; Nonionic surfactant 0.10%. tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động qua đầu đọc barcode. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: Hộp ≥ 5L	Hộp	48
89	Dung dịch pha loãng	Sử dụng như một dung dịch đệm pha loãng đấng trưng kết hợp với một tác nhân ly giải không chứa cyanide dùng để đếm và định cỡ các tế bào máu trên hệ thống phân tích tế bào tự động. Thành phần: Sodium Sulfate 13.73 g/L, Sodium Chloride 1.04 g/L, Tetracaine HCL 0,02 g/L, Imidazole 2,85 g/L. Thùng ≥ 10 lít	Thùng	260
90	Hóa chất nhuộm các tế bào nhân	Thành phần: Polymethine 0.005%; Ethylene Glycol 99.9% tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động qua đầu đọc barcode. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: Hộp ≥ 2x82ml	Hộp	24
91	Hóa chất nhuộm tế bào hồng cầu lưới	Thành phần: Polymethine 0.03%; methanol 7.9%; Ethylene Glycol 92% tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động qua đầu đọc barcode. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: Hộp ≥ 2x12ml	Hộp	5
92	Hóa chất sử dụng để nhuộm nhân tế bào bạch cầu nhằm phân biệt 4 loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils,	Thành phần: Polymethine 0.0022%; methanol 3.0%; Ethylene Glycol 96.9% tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động qua đầu đọc barcode. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: Hộp ≥ 2x42ml	Hộp	48

93	Hóa chất sử dụng trong phân tích hồng cầu lưới và trong phân tích tiểu cầu	Thành phần: Tricine buffer 0.17% tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động qua đầu đọc barcode. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: Hộp ≥ 2x1.5L	Hộp	5
94	Chất chuẩn máy	Được sử dụng như vật liệu kiểm soát 3 mức: level 1, level 2, level 3 cho công thức máu toàn phần, phân loại các thành phần bạch cầu, hồng cầu lưới, hồng cầu nhân trên máy huyết học tự động. Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu, bạch cầu, hồng cầu nhân và tiểu cầu ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động qua đầu đọc barcode. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: L 1: 1x3ml; L2: 1x3ml; L3: 1x3ml	Bộ	24
95	Chất hiệu chuẩn	Là chất hiệu chuẩn cho các dòng máy huyết học tự động. XN CAL được thiết kế cho hiệu chuẩn và xác nhận hiệu chuẩn cho các thông số WBC, RBC, HGB, HCT, PLT và RET. Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu và hồng cầu nhân ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động qua đầu đọc barcode. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA Quy cách: 1x3ml	Lọ	2
96	Born chân không	Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 1 cái/hộp	Cái	1
97	Kim hút mẫu huyết học	Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 1 cái/hộp	Cái	5

Tên công ty báo giá:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi : { Ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá }

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau :

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan :

ST T	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Cấu hình kỹ thuật báo giá	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A										
2	Thiết bị B										
n	...										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

....., ngày.... tháng.....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5). (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.
- Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên liên danh nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn trên Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.